BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Thí nghiệm vật liệu xây dựng - 1103024 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: 110302401 **Số tín chỉ: 1** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110060002	Nguyễn Đức	**Bắc**	15/09/1992	Bac		8	Tám	C13XD1	
2	1110060004	Nguyễn Văn	**Cảnh**	29/06/1992	Canh		9	Chín	C13XD1	
3	1110060005	Nguyễn Văn	**Cảnh**	01/01/1993	Canh		9	Chín	C13XD1	
4	1110060006	Nguyễn Thành	**Chí**	16/01/1993	Chi		8	Tám	C13XD1	
5	1110060007	Đỗ Ngọc	**Du**	25/01/1992	Du				C13XD1	Vắng
6	1110060008	Phạm Văn	**Dũng**	16/10/1992	Dung		8	Tám	C13XD1	
7	1110060035	Nguyễn Khắc	**Đại**	28/06/1993	Dai		9	Chín	C13XD1	
8	1110060031	Đinh Duyên Hải	**Đăng**	15/05/1993	Dang		7	Bảy	C13XD1	
9	1110060034	Ngô Hải	**Đăng**	15/03/1992	Dang		6	Sáu	C13XD1	
10	1110060033	Nguyễn Đình	**Đăng**	07/04/1992	Dang		9	Chín	C13XD1	
11	1110060032	Phạm Hải	**Đăng**	15/05/1993	Dang		9	Chín	C13XD1	
12	1110060044	Bùi Văn	**Đức**	10/03/1993	Duc		7	Bảy	C13XD2	
13	1110060009	Phạm Nguyễn Hoàng	**Giang**	12/08/1993	Giang		8	Tám	C13XD1	
14	1110060010	Đặng Thanh	**Hàn**	05/10/1993	Han		8	Tám	C13XD1	
15	1110060011	Nguyễn Thế	**Hào**	26/02/1993	hao		8	Tám	C13XD1	
16	1110060012	Trần Trung	**Hiếu**	21/05/1993	Hieu		9	Chín	C13XD1	
17	1110060013	Đặng Phước	**Hòa**	28/10/1992	Hoa		8	Tám	C13XD1	
18	1110060016	Đặng Gia	**Huy**	10/08/1993	Huy		9	Chín	C13XD1	
19	1110060015	Phan Khắc	**Huy**	18/03/1993	huy		9	Chín	C13XD1	
20	1110060019	Nguyễn Việt	**Khanh**	09/07/1993	Khanh		8	Tám	C13XD1	
21	1110060020	Lê Đăng	**Khánh**	03/03/1992	Khanh		9	Chín	C13XD1	
22	1110060021	Lê Văn	**Khánh**	12/02/1993	Khanh		7	Bảy	C13XD1	
23	1110060022	Nguyễn Văn	**Khiêm**	02/11/1993	Khiem		7	Bảy	C13XD1	
24	1110060024	Bùi Đăng	**Khoa**	12/01/1993	Khoa		8	Tám	C13XD1	
25	1110060025	Nguyễn Quang	**Kim**	29/12/1993	Kim		6	Sáu	C13XD1	
26	1110060027	Lê Hồng	**Lâm**	23/07/1992	Lam		8	Tám	C13XD1	
27	1110060028	Trương Trọng	**Liêm**	15/01/1993	Liem		7	Bảy	C13XD1	
28	1110060029	Phí Ngọc	**Long**	29/09/1992	Long		8	Tám	C13XD1	
29	1110060030	Tô Văn	**Minh**	19/10/1993	Minh		7	Bảy	C13XD1	
30	1110060040	Nguyễn Thành	**Nhân**	30/06/1993	Nhan		8	Tám	C13XD1	
31	1110060043	Trình Minh	**Nhựt**	27/11/1993	Nhut		8	Tám	C13XD1	
32	1110060046	Nguyễn Hoàng	**Phát**	09/09/1993	Phat		8	Tám	C13XD2	
33	1110060049	Trần Hoàng	**Phúc**	27/06/1992	Phuc		8	Tám	C13XD2	
34	1110060047	Phạm Hoàng	**Phương**	17/11/1993	Phuong		7	Bảy	C13XD2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1110060048	Huỳnh Văn	**Phước**	07/06/1990	Phuoc		8	Tám	C13XD2	
36	1110060050	Hồ	**Quí**	08/01/1992	Qui		7	Bảy	C13XD2	
37	1110060051	Nguyễn Ngọc	**Sơn**	24/11/1993	Son		8	Tám	C13XD2	
38	1110060052	Nguyễn Ngọc	**Sơn**	25/01/1992	Son		8	Tám	C13XD2	
39	1110060055	Đặng Đức	**Tài**	06/08/1992	tai		6	Sáu	C13XD2	
40	1110060054	Phan Thành	**Tài**	07/07/1992	tai		7	Bảy	C13XD2	
41	1110060053	Tạ Minh	**Tấn**	25/03/1993	tan		8	Tám	C13XD2	
42	1110060060	Nguyễn Minh	**Thành**	17/12/1989	Thanh		9	Chín	C13XD2	
43	1110060059	Trần Văn	**Thành**	11/05/1993	Thanh		6	Sáu	C13XD2	
44	1110060058	Nguyễn Trần Anh	**Thắng**	24/09/1993	Thang		8	Tám	C13XD2	
45	1110060056	Võ Bách	**Thắng**	01/01/1993	Thang		8	Tám	C13XD2	
46	1110060057	Vũ	**Thắng**	20/11/1993	thang		8	Tám	C13XD2	
47	1110060061	Nguyễn Chơn	**Thiên**	18/04/1990	thien		9	Chín	C13XD2	
48	1110060062	Trần Nam	**Thiên**	04/12/1992	thien		9	Chín	C13XD2	
49	1110060063	Bùi Thọ	**Thiện**	26/04/1993	thien		8	Tám	C13XD2	
50	1110060064	Nguyễn Ngọc	**Thiện**	20/09/1992	thien		8	Tám	C13XD2	
51	1110060066	Huỳnh Đình	**Thủ**	26/10/1992	Thu		6	Sáu	C13XD2	
52	1110060065	Nguyễn Trí	**Thức**	17/05/1993	thuc		7	Bảy	C13XD2	
53	1110060067	Huỳnh	**Tiến**	16/09/1993	tien		8	Tám	C13XD2	
54	1110060070	Nguyễn Văn	**Tol**	28/03/1993	tol		8	Tám	C13XD2	
55	1110060071	Lê Thị Minh	**Trang**	19/06/1993	trang		9	Chín	C13XD2	
56	1110060075	Nguyễn Đình	**Triều**	19/09/1993	trieu		8	Tám	C13XD2	
57	1110060072	Dương Thanh Cao	**Trí**	02/08/1992	tri		7	Bảy	C13XD2	
58	1110060073	Kiều Hữu	**Trí**	16/02/1993	tri		9	Chín	C13XD2	
59	1110060078	Bùi Đức	**Trung**	12/03/1989	trung		7	Bảy	C13XD2	
60	1110060076	Lê Bá	**Trung**	22/02/1993	trung		8	Tám	C13XD2	
61	1110060077	Trần Văn	**Trung**	29/10/1992			8	Tám	C13XD2	
62	1110060080	Huỳnh Thanh	**Tùng**	09/01/1991	tung		6	Sáu	C13XD2	
63	1110060081	Võ Minh	**Tùng**	10/12/1993	tung		9	Chín	C13XD2	
64	1110060079	Võ Thanh	**Tùng**	24/08/1993	tung		9	Chín	C13XD2	
65	1110060082	Đặng Văn	**Việt**	09/08/1993	Viet		8	Tám	C13XD2	
66	1110060083	Tạ Ngọc	**Vinh**	16/01/1993	Vinh		9	Chín	C13XD2	
67	1110060085	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	26/10/1993	Vu		8	Tám	C13XD2	
68	1110060086	Trương Quốc	**Vũ**	28/09/1992	Vu		7	Bảy	C13XD2	
69	1110060084	Hồ Đặng Khánh	**Vương**	14/10/1993	Vuong		8	Tám	C13XD2	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 68 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** _____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 68 / 68 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**